

Bảng So Sánh Mác Thép Thế Giới
(Special Steel Grades Comparision Table)

Material	JIS	SeAH (POSCO)	DIN	ASTM (AISI)	Hitachi	Daido	Nippon Koshuha	Assab	Bohler	Thyssen	HRC
Cold Working	SKD11	SKD11	1.2379	D2	SLD	DC11	KD11	XW41/2	K110	D-91	Min 58
		CW21			(SLD Magic)	(DC53)	(KD11S)	(Assab88)	(K340)		
Hot Working	SKD61	SKD61	1.2344	H13	DAC	DHA1	KDA1	8407	W302	T-24	Min 50
				H13	(DAC10/DM)	(DHA-W)	(KDA1S)	(Dievar)			
	SKD61 + S		1.2347	H13+SM	FDAC	DH2F		ORVAR		T-27	
		CH60-S	1.2367 ESR	H13M	DAC55	DH31 - S		QRO-90			
	SKD62	SKD62		H12							
	SKT4	SKT4	1.2714	L6	DM	GFA	KTV	SOMDIE			Min 42
		SKT4V			YHD28	GF78			W500		
High Speed	SKH51	M2	1.3343	M2	YXM1	MH51		HSP41	S600		Min 64
	SKH55			M36	YXM4						>65
	SKH57			M42	XVC50						>65
	SKH40				HAP40	DEX40		ASP30	S590		>67
					HAP10	DEX20		ASP23	S790		>67
Oil Setting Tool Steel	SKS3	SKS3	1.2510	O1	SGT	GOA	KS3	DF3		K460	Min 60
	SKS93	SKS93	1.2842	A2	YCS3	YK30					<62
High Carbon Tool Steel	SK3	SK3	C105W1	W1	Y11	YK3		BW1B			<62
	SK4	SK4				YK4					
	SK5	SK5	1.1625		SK5	SK5	SK5	K100	K980		
Plastic Mold (pre-hardened)	P1	CSP1	1730/1740	1050 Mod	HIT - 81	PDS1		UHB11		P-71	<60
	P3	CSS27P25	1.7225	4140 Mod	HIT - 82	PDS3		HOLDAX		P-73	<55
	P20	KP4M	1.2311	P20	HPM2	PAC5000	PlasMold20	718	W330	P-75	~30
	P20+Ni	(SCM440)	1.2738	P20+Ni	HPM7	PDSS		718H/H			
	P20hh		1.2711	P20hh				740		P-79	
			1.2798			PX5		IMPAX		P-80	
		SMAT E	1.2796 ESR	P21	CENA1	NAK80		NIMAX	M200	K-88	~40
Stainless Tool Steel	SUS420J2			420 Mod							
	SUS420F	SUS420J2	1.2083ESR	420F	HPM38	S-STAR		STAVAX	M300		
	SUS440C	SUS440C	1.2083	440C	HPM77			RAMAXS		K-83	<54
	SUS630	SUS630	1.4028	PSL	440C	PD742		ELMAX	N695	K-81	<55
Structural Steel	S45C	S45C	1.1191	1045	S45C	S45C	S45C			CK45	
	S50C	S50C	1.1206	1050	S50C	S50C	S50C	760	CM5		
	SCM440	SCM440	1.7225	4140	SCM440	SCM440	SCM440	709	V320		
	SNCM439	SNCM439	1.6582	4340	SNCM439	SNCM439	SNCM439	705	V155		
Hardened Steel by adding Carbon	SCM415	SCM415	1.7262	5115	SCM415	SCM415	SCM415				
Mild Steel	SS400	SS400			SS400	SS400	SS400		Ms		
Roll Material		CSR-12									
		CSR-2									
		CSR-5									
Flame Hardening		CSS23F85			HMD5	GO5	FH-5				

Thông tin thêm xin vui lòng liên hệ:

Công ty TNHH Thép Đặc Biệt Phương Trang.

Địa chỉ: Lô B2-3-3C KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Sdt 024) 3212 1766, Fax 024) 3212 1767.

Hotline: 0904 841 842. Email: hieu@thepphuongtrang.com, Website: www.thepphuongtrang.com.

Hà Nội, ngày 11/8/2020.

(đã duyệt)